

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HS-ST

Ngày 9 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Huỳnh Khiết Như.

2/. Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Hiếu, kiểm sát viên.

Trong ngày 9 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 22/7/2024, đối với:

- Bị cáo: **Trần Nhựt T**, sinh ngày 10/01/1987, tại huyện K, Sóc Trăng; nơi cư trú: số C, ấp **A**, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn Q**, sinh năm 1961 và bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1959; vợ: **Nguyễn Thị Bích T1** (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2007; anh, em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/03/2024, đến ngày 18/03/2024 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: **ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Tổng Minh T2**, sinh năm 1977

HKTT: **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**.

Tạm trú: **ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

- Người làm chứng: **Trần Trọng P**, sinh năm 1997

Địa chỉ: **ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo **Trần Nhựt T** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố về hành vi phạm tội như sau: Bị cáo với bị hại **Nguyễn Thị Hồng H** quen biết qua mạng xã hội. Ngày 15/3/2024 bị cáo hẹn gặp chị **H** tại quán **C1** thuộc **ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**, sau khi bị cáo và chị **H** gặp nhau thì bị cáo điều khiển xe mô tô hiệu Dylan biển số 83C1 – 412.78 mượn của anh **Tổng Minh T2** chở chị **H** đến **nhà nghỉ B** thuộc **ấp A, thị trấn A, huyện K** để thuê phòng và quan hệ tình dục, sau khi quan hệ tình dục xong chị **H** mặc quần áo vào thì bị cáo nhìn thấy trong túi quần của chị **H** có nhiều tiền nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị **H** để tiêu xài cá nhân, sau đó bị cáo trả tiền thuê phòng và chở chị **H** chạy theo **Quốc lộ N về hướng xã A**, trên đường đi bị cáo hỏi mượn tiền của chị **H** 500.000 đồng nhưng chị **H** không trả lời, lúc này bị cáo tiếp tục chở chị **H** đi lòng vòng để tìm chỗ vắng vẻ cướp số tiền của chị **H**, khi đến khu vực tái định cư thuộc **ấp P, thị trấn A, huyện K**, bị cáo thấy không có nhà ai nên chở chị **H** đi vào khu tái định cư, bị cáo dừng xe lại và kêu chị **H** bước xuống xe, đồng thời bị cáo cũng bước xuống xe rồi dùng tay trái nắm lấy áo của chị **H** ở phía sau lưng, còn tay phải để phía sau túi quần giả vờ cầm hung khí và đe dọa chị **H** “*Tao là cướp, mày có tiền móc ra đưa tao, nếu không tao giết*”, bị cáo lập lại hai lần và câu sất chị **H** để không cho chị **H** bỏ chạy, lúc này chị **H** vừa cầu xin bị cáo đừng giết vừa lấy tiền từ túi quần để lên trên yên xe và chia tiền làm hai xấp, chị **H** xin bị cáo cho chị giữ lại 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) để thuê xe về nhà thì bị cáo đồng ý, còn lại 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) chị **H** để trên yên xe, bị cáo dùng tay trái lấy xấp tiền và đếm có tổng số 25 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng, bị cáo lấy tiền bỏ vào bóp và cất vào trong túi quần phía trước. Bị cáo tiếp tục kêu chị **H** tháo sợi dây chuyền đang đeo trên cổ và chiếc nhẫn vàng nữ trang để trên yên xe, bị cáo hỏi chị **H** vàng thật hay giả thì chị **H** nói sợi dây chuyền là giả còn chiếc nhẫn là thật, bị cáo cầm sợi dây chuyền và chiếc nhẫn lên xem, xem xong bị cáo trả sợi dây chuyền và chiếc nhẫn lại cho chị **H**. Bị cáo nhìn thấy cái túi xách của chị **H** đang treo trước бага xe thì mở túi xách lấy điện thoại di động hiệu Sam sung A11 của chị **H** bỏ vào túi quần. Sau khi bị cáo chiếm đoạt được tài sản của chị **H** xong thì bị cáo kêu chị **H** quay lưng lại, bị cáo lên xe đi đến tiệm điện thoại **P** ở ngã tư **A** để mở khóa điện thoại vừa cướp được của chị **H** để sử dụng, còn chị **H** đi đến **Công an thị trấn A** trình báo vụ việc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an huyện K** mời bị cáo làm việc thì bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi cướp tài sản của chị **H** và nộp lại số tiền 12.450.000 đồng đã cướp được của chị **H** vì đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 50.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 2058/KL-KTHS ngày 11/4/2024 của Phân viện Khoa hình sự **Bộ C2** tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có gắn mặt dây kim loại màu vàng hình dạng bông hoa và đính hạt, tổng khối lượng 15,8519 gam có thành phần kim loại chủ yếu là **Đ** (Cu), hàm lượng Đồng 99,83%. Sợi dây chuyền được mạ

một lớp mỏng kim loại màu vàng (Au) bên ngoài nên không xác định được hàm lượng.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính hột màu xanh ngọc, khối lượng 1,4847 gam có thành phần kim loại chủ yếu là V (Au). Hàm lượng Vàng 66,92%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20 ngày 07/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K kết luận:

- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có gắn mặt dây kim loại màu vàng hình dạng bông hoa và đính hạt, tổng khối lượng 15,8519 gam có thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu), hàm lượng Đồng 99,83%. Sợi dây chuyền được mạ một lớp mỏng kim loại màu vàng (Au) bên ngoài. Hội đồng không xác định được trọng lượng vàng nên không có cơ sở kết luận.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính hột màu xanh ngọc, khối lượng 1,4847 gam có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au), hàm lượng Vàng 66,92%, có trọng lượng vàng là 0,8gam (0,2133 chỉ) thành tiền là: 0,8gam (0,2133 chỉ) x 4.890.000 đồng = 1.043.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu xanh, Gam 3GB/32GB, mua cũ lại tháng 3/2024 với giá 1.600.000 đồng, giá trị tài sản khảo sát thực tế là: 1.600.000 đồng.

Tổng cộng tài sản: 2.643.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; sau khi phạm tội bị can thành khẩn khai báo, tác động gia đình nộp Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kế Sách số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục và bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo có ông ngoại tên Nguyễn Văn C có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba.

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tạm giữ: 01 mũ bảo hiểm, có dạng nón kết, loại mũ dẻo, trên nón có những khóa hở, nón màu đen đã qua sử dụng, 01 áo sơ mi, loại dài tay, màu đỏ, xanh, đen và có sọc màu trắng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dylan biển số 83C1 – 412.78, màu đỏ, tiền việt nam 12.450.000 đồng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn H1; 01 cái bóp da, loại bóp nam, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu xanh, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 50 cm, có mặt hoa văn hình bông, sợi dây chuyền có hình dạng mắc xích, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính hột màu xanh.

Về xử lý vật chứng: Trao trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Hồng H gồm: 12.450.000 đồng, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 50 cm, có mặt hoa văn hình bông, sợi dây chuyền có hình dạng mắc xích; 01 chiếc

nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính hột màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu xanh, Gam 3GB/32GB và trả lại cho anh **Tổng Minh T2** 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dylan biển số 83C1 – 412.78, màu đỏ, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên **Nguyễn Văn H1**.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **Nguyễn Thị Hồng H** đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tuy nhiên trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm cho chị **H** số tiền 2.000.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKS-H.KS ngày 10/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo **Trần Nhựt T** về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo, xử phạt bị cáo **T** từ 03 đến 04 năm tù; áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu và tiêu hủy vật chứng gồm 01 mũ bảo hiểm, có dạng nón kết, loại mũ dẻo, trên nón có những khía hở, nón màu đen đã qua sử dụng, 01 áo sơ mi, loại dài tay, màu đỏ, xanh, đen và có sọc màu trắng; trả cho bị cáo 01 bóp da.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Tổng Minh T2** cho rằng bản chất bị cáo là người hiền lành, chưa bao giờ nói nặng nhẹ ai, sống tốt với người xung quanh, do nhất thời thiếu suy nghĩ mà phạm tội, mong Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, anh đã nhận lại xe mô tô và giấy tờ, còn đồ vật khác liên quan đến vụ án thì anh không nhận lại, anh không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Bị hại có đơn xin vắng mặt, những người này đã có lời khai trực tiếp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, bị cáo và người tham gia tố tụng khác, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng.

[2] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện K**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện K**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo **Trần Nhật T** khai nhận: Ngày 15/3/2024, bị cáo có hẹn bị hại gặp nhau tại **thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**. Sau khi gặp nhau bị cáo chở bị hại vào nhà nghỉ quan hệ tình dục, sau đó bị cáo có hỏi mượn bị hại 500.000 đồng để tiêu xài nhưng bị hại không trả lời nên bị cáo chở bị hại đi lòng vòng tìm nơi vắng, không người để chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo chở bị hại vào **khu tái định cư A, huyện K** dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực chiếm đoạt của bị hại 12.500.000 đồng và 01 điện thoại của bị hại trị giá 1.600.000 đồng, còn dây chuyền và nhẫn bị cáo trả lại cho bị hại. Bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của mình, bị cáo xin lỗi bị hại và yêu cầu Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với Cáo trạng của Viện Kiểm sát, lời khai của người bị hại, biên bản hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[5] Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm...”

[6] Vì vậy, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo **Trần Nhật T** phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ việc dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì không chăm chỉ làm ăn, tạo thu nhập hợp pháp mà bị cáo lại muốn có tiền từ những việc làm trái pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tài sản của bị hại **Nguyễn Thị Hồng H** được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định trật tự và an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt sau này và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại 2.000.000 đồng, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông ngoại là **Nguyễn Văn C** được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nhưng bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho bị hại 2.000.000 đồng và bị hại đồng ý nhận.

[11] Về xử lý đồ vật liên quan đến vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo và anh T2 trình bày 01 mũ bảo hiểm, 01 áo sơ mi là tài sản của anh T2, anh T2 không nhận lại tài sản này; còn bóp da là của bị cáo, bị cáo xin được nhận lại. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tịch thu và tiêu hủy vật chứng gồm 01 mũ bảo hiểm, có dạng nón kết, loại mũ dẻo, trên nón có những khóa hở, nón màu đen đã qua sử dụng, 01 áo sơ mi, loại dài tay, màu đỏ, xanh, đen và có sọc màu trắng; trả lại cho bị cáo 01 bóp da.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- 1/. Tuyên bố bị cáo Trần Nhật T phạm tội “Cướp tài sản”.
- 2/. Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Nhật T. Xử phạt bị cáo Trần Nhật T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/03/2024.
- 3/. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 của Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Nhật T bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Hồng H với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Bị hại Nguyễn Thị Hồng H nhận số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, theo Biên lai thu tiền số 0000839 ngày 5/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- 4/. Về xử lý đồ vật liên quan đến vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy vật chứng gồm 01 mũ bảo hiểm, có dạng nón kết, loại mũ dẻo, trên nón có những khóa hở, nón màu đen, đã qua sử dụng và 01 áo sơ mi, loại dài tay, màu đỏ, xanh, đen và có sọc màu trắng; trả lại cho bị cáo 01 bóp da nam, màu đen (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/7/2024).
- 5/. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Trần Nhật T chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6/. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Nhà tạm giữ - CA huyện K;
- Chi cục THADS huyện KS;
- Bị cáo; bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Viết Tâm